TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 41/2020/HNGĐ-ST Ngày 14-9-2020 V/v "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Trân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Huy Tùng.

Bà Hà Ngân Kim Tới.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Sa The - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hướng - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 207/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020 về "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà Lâm Thị Ngọc H; Sinh năm 1992; Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện T, tỉnh S (Có mặt).

* *Bị đơn*: Ông Triệu Sà K; Sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện T, tỉnh S (Có mặt).

- Người phiên dịch tiếng Khmer: Bà Lý Ngọc L – Nơi công tác: Hội khuyến học huyện T, tỉnh S (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 7 năm 2020 và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Lâm Thị Ngọc H trình bày:

Bà và ông Triệu Sà K tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2009. Nhưng ông bà không đi đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống cho đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vào năm 2013, ông K đánh bà và bà đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Triệu Sà K.

Trong quá trình chung sống, ông bà có 02 người con chung tên Triệu Minh K, sinh ngày 29/01/2010 và Triệu Thị Ngọc H, sinh ngày 18/12/2012. Hiện 02 cháu đang sống với bà H. Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu và bà không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Triệu Sà K trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Lâm Thị Ngọc H về thời gian tổ chức lễ cưới, về thời gian chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn và về con chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do vào năm 2013 ông có đánh bà H. Lý do của việc ông đánh bà H là do bà H đưa bé K vô phòng nhốt làm cho bé khóc. Ông K tức giận đập cửa phòng thì bà H đánh ông trước nên ông mới đánh lại. Vì chuyện này, bà H đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Nay do ông còn thương bà H nên không đồng ý ly hôn. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Triệu Thị Ngọc H và ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi cháu H. Ông đồng ý để bà H nuôi dưỡng cháu Triệu Minh K và ông không cấp dưỡng nuôi cháu K.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông K trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về nội dung: Tại Tòa, bà Lâm Thị Ngọc H giữ nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Triệu Sà K bởi vì bà không còn tình cảm với ông

K. Còn ông K yêu cầu được hàn gắn vì còn thương bà H. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Xét về quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông K thấy rằng, bà H và ông K chung sống với nhau từ năm 2009 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời điểm bà H và ông K sống chung thì Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đang có hiệu lực. Căn cứ Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: "Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng". Tại điểm c mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hướng dẫn về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: "Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2003 trở đi…, nam và nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng; nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng…". Ngoài ra, tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: " Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng…". Như vậy đối chiếu với các quy định của pháp luật thì mối quan hệ giữa bà H với ông K không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà H được chấp nhận.

[2] Về con chung: Bà Lâm Thị Ngọc H và ông Triệu Sà K có 02 người con chung tên Triệu Minh K, sinh ngày 29/01/2010 và Triệu Thị Ngọc H sinh ngày 18/12/2012. Xét yêu cầu được nuôi hai con của bà H, từ khi bà H và ông K không còn sống chung thì hai cháu sống chung với bà H, do bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà H có điều kiện về chỗ ở và điều kiện kinh tế để lo cho hai cháu sinh hoạt, ăn học. Tại văn bản ghi nguyện vọng do hai cháu K và H ghi tại Tòa án ngày 19/8/2020, hai cháu đều có nguyện vọng được sống chung với bà H. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận giao cháu K và H cho bà H nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp. Do yêu cầu được nuôi hai con chung của bà H được chấp nhận nên yêu cầu được nuôi cháu H của ông K không được chấp nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H, ông K trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Lâm Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét thấy ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000;

Căn cứ vào các điều 53, 56, 58; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lâm Thị Ngọc H với ông Triệu Sà K.

- Về con chung: Giao cho bà Lâm Thị Ngọc H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 người con chung tên Triệu Minh K, sinh ngày 29/01/2010 và Triệu Thị Ngọc H, sinh ngày 18/12/2012 cho đến tuổi thành niên. Ông Triệu Sà K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Triệu Sà K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản. Trường hợp, ông K lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà Hà có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Kha.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lâm Thị Ngọc H và ông Triệu Sà K trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn bà Lâm Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số AA/2017 0005655 ngày 31/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Só. Bà H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Trân

Nơi nhận:
-VKSND huyện T;
-Chi cục THA huyện T;
-TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
-Các đương sự.
-Lưu HSVA.